

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/DS-ST

Ngày: 30/8/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Phạm Quốc Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2019/TLST-DS, ngày 10/7/2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐST-DS, ngày 08/8/2019 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 1, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

* **Bi đơn:** Ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1975 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà B, bà H có mặt. Ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:***

Bà có tham gia 01 dây hụi do bà H làm chủ hụi khai ngày 30/6/2016 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, gồm 31 hụi viên. Lúc khai hụi, bà H không giao phiếu. Sau này, bà có yêu cầu thì bà H đưa phiếu hụi ghi năm 2017. Phiếu hụi ghi ngày 30/6/2017 là ghi sai năm, thực chất là hụi năm 2016.

Bà tham gia 1 phần tên trong phiếu hụi là "3 N" là tên thường gọi của bà. Bà hốt hụi cuối cùng ngày 30/12/2018 âm lịch số tiền là 30.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng còn 29.600.000 đồng. Cho đến nay, bà H không giao hụi mặc dù bà đã nhiều lần đến nhà bà H đòi.

Lý do bà yêu cầu ông T liên đới trả nợ với bà H vì ông T là chồng của bà H. Khi bà đi đóng hụi, ông T và con ông T cũng biết. Bà đóng tiền hụi cho bà H chứ không đưa cho ông T vì chơi hụi là chuyện của phụ nữ với nhau, ông T không nắm rõ. Bà là người hốt hụi chót nhưng bà H không giao thì bà gặp bà H để đòi tiền chứ không nói với ông T do ông T đi làm suốt ngày. Bà thấy số tiền ít nên nghĩ bà H xoay sở được. Do vợ chồng bà H ly hôn nên bà mới khởi kiện.

Trước đây, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông T liên đới trả cho bà tiền hụi đã hốt của dây hụi khai ngày 30/6/2016 là 29.600.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Nay, bà chỉ yêu cầu bà H và ông T liên đới trả 25.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu lãi suất do thấy hoàn cảnh của bà H khó khăn.

** Bị đơn Nguyễn Thị H trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà thừa nhận lời trình bày của bà B về diễn biến quá trình dây hụi khai ngày 30/6/2016 do bà làm chủ hụi là đúng. Lúc khai hụi, bà không giao cho bà B phiếu hụi. Sau này, bà B có yêu cầu nên bà mới ghi ra và giao phiếu hụi cho bà B nhưng ghi nhầm là ngày 30/6/2017. Thực chất là hụi diễn ra năm 2016 như bà B trình bày.

Cho đến nay, bà không giao số tiền hụi 29.600.000 đồng cho bà B do có khó khăn về việc làm ăn, xây nhà cửa. Bà đồng ý trả cho bà B 25.000.000 đồng tiền hụi như bà B yêu cầu và thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi với bà.

Số tiền hụi của bà B bà sử dụng một phần đắp qua các dây hụi khác vì bà tham gia rất nhiều dây hụi, có dây bà là chủ, có dây là hụi viên. Một số hụi viên không đóng hoặc họ tự trừ cần các dây hụi với nhau vì nghe vợ chồng bà sắp ly hôn nên hụi bị bể. Một phần tiền hụi thì sử dụng vào chăm lo con cái, nhà cửa. Ông T nói làm 02 ha ruộng là không đúng. Trước đây, cha chồng có cho khoảng 2 công đất, sau đó mới cho thêm 2 công đất nữa. Năm 2018, vợ chồng bà mới mua thêm 1 ha đất. Ông T đi làm rất ít đưa tiền cho bà. Nay ông T đã nộp đơn xin ly hôn với bà thì nợ nần cũng phải liên đới trả cùng bà.

** Bị đơn ông Hồ Thanh T trình bày theo bản tự khai ngày 26 và ngày 28/8/2019 có nội dung như sau:*

Ông là thợ hồ từ năm 2000 cho đến nay, thu nhập bình quân 40.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn canh tác 02 ha ruộng thu nhập một vụ lúa khoảng 40.000.000 đồng, tích góp xây nhà năm 2014. Năm 2017, ông còn nhận chuyển nhượng 01 ha đất thửa số 236, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã MA, huyện X nên không có việc vay tiền ai xây nhà. Nhiều năm nay, bà H gây nợ trên 1 tỷ đồng nhưng ông không biết nguyên nhân, không có ký tên và không biết khoản nợ này. Ông đã chuyển nhượng đất để trả nợ nhưng bà H tiếp tục gây nợ bằng việc chơi hụi, cầm xe, vay tiền xã hội đen. Việc bà H vay mượn nợ có thể chung vào việc số đề, đánh bài, nuôi trai, bỏ bê con cái. Bà H hăm dọa các con phải khai theo ý bà H nếu không đuổi khỏi nhà, bỏ đói. Cuộc sống gia đình ông ngày càng mâu thuẫn trầm

trọng. Ông đã bỏ sang nhà chị ruột sinh sống hơn 1 năm nay. Việc bà H sử dụng tiền vay mượn là sử dụng mục đích cá nhân. Do đó, ông không đồng ý liên đới trả nợ với bà H. Ông T có nộp kèm bản tự khai của bà Hồ Thị Ngọc Lệ là chị ruột của ông T cũng khai có nội dung như bản tự khai của ông T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hội được quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T chỉ nộp bản tự khai và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà B và bà H thống nhất về diễn biến của dây hội 1.000.000 đồng khui ngày 30/6/2016 âm lịch. Bà B là hội viên hốt hội chót ngày 30/12/2018 với số tiền 29.600.000 đồng (đã trừ cò 400.000 đồng). Cho đến nay, bà H không giao hội, bà B chỉ yêu cầu bà H giao 25.000.000 đồng tiền hội đã hốt, không yêu cầu lãi suất. Bà H đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B.

Xét thấy, bà H thừa nhận còn nợ bà B 29.600.000 đồng là tiền bà B hốt hội nhưng bà H không giao của dây hội nêu trên. Hiện nay, hội đã mãn nhưng bà H không giao tiền hội cho bà B là vi phạm nghĩa vụ chủ hội theo Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ, nên bà B khởi kiện yêu cầu bà H giao tiền hội là có căn cứ. Đáng lẽ bà H phải có nghĩa vụ giao cho bà B 29.600.000 đồng nhưng bà B chỉ yêu cầu số tiền 25.000.000 đồng và không yêu

cầu lãi suất là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Xét nghĩa vụ trả nợ hui:

Bà B yêu cầu ông T phải liên đới với bà H trả nợ hui cho bà do ông T biết. Ông T không đồng ý liên đới trả nợ với bà H vì ông cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nên nợ, không biết việc nợ nần của bà H. Ông đã bán một phần đất trả nợ cho bà H hơn 1 tỷ, nhưng nay bà H vẫn còn nợ nên không đồng ý liên đới với bà H trả nợ cho bà B.

Xét thấy, bà B xác định ông T biết việc hui giữa bà và bà H. Các phần hui của bà B diễn ra từ năm 2016 khi hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại. Ông T không chứng minh được bà H sử dụng tiền hui này vào mục đích cá nhân. Theo Luật hôn nhân và gia đình đã quy định tại Điều 19 như sau "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...." đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ. Khi mỗi quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại, ông T phải quan tâm đến việc của bà H làm để biết cuộc sống gia đình như thế nào mà có biện pháp giải quyết. Nay ông T cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nợ mà nghi ngờ bà H sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, phi pháp thì không liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của anh Hồ Thanh Th ngày 08/8/2019 là con ruột sống cùng nhà của ông T, bà H là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ, hiểu rõ nhất hoàn cảnh gia đình đã xác định có thấy ông T nói chuyện với các chủ nợ, trong đó có bà B và ông T biết về việc chơi hui, vay tiền của bà H. Ông T không chứng minh được việc bà H sử dụng tiền hui vào mục đích cá nhân. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả cho bà B 25.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà H, ông T như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X. Buộc bà H, ông T liên đới trả cho bà B số tiền 25.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Luật hôn nhân và gia đình.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 740.000 đồng theo biên lai thu số 0004565, ngày 09/7/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng